

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy tính để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A

1. Đối với sát hạch viên, bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

1.2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

1.3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

1.4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

2.3. Thực hiện nội dung sát hạch

- Thời gian làm bài: 27 phút.

- Đề thi được thiết kế dưới dạng 40 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm.

- Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu từ 36/40 điểm trở lên.

3.2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

II. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để cấp giấy phép lái xe hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

1. Đối với sát hạch viên, mỗi khu vực sát hạch bố trí tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn trong bộ câu hỏi sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Cục Cảnh sát giao thông ban hành), thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, bộ đề sát hạch, đáp án sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

1.3. Bố trí chỗ ngồi, phát đề sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, công bố thời gian bắt đầu, kết thúc sát hạch lý thuyết.

1.4. Sát hạch viên 01 đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, người phiên dịch; sát hạch viên 02 đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng theo ý trả lời của thí sinh và không được dùng bút có mực màu đỏ hoặc bút chì để đánh dấu.

1.5. Yêu cầu thí sinh, người phiên dịch thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh, người phiên dịch mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh, người phiên dịch vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét, quyết định.

1.6. Thu bài sát hạch lý thuyết của thí sinh khi hết giờ làm bài và sử dụng đáp án sát hạch để chấm điểm.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch và người phiên dịch thực hiện các bước sau:

2.1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử (đối với thí sinh) cung cấp thông tin cá nhân để sát hạch viên đối chiếu (đối với người phiên dịch).

2.2. Nhận đề sát hạch, ghi số đề sát hạch và số báo danh vào bài sát hạch lý thuyết.

2.3. Thực hiện nội dung sát hạch

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Đề thi được thiết kế gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, thí sinh chọn ra đáp án đúng nhất.

- Người phiên dịch dịch câu hỏi, dịch câu trả lời cho thí sinh và thông báo về câu trả lời của thí sinh đến sát hạch viên, người phiên dịch không được chọn đáp án thay thí sinh.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu từ 27/30 điểm trở lên.

3.2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thông báo kết quả sát hạch; người phiên dịch ký xác nhận, thí sinh ký xác nhận hoặc điểm chỉ vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên

Mỗi khu vực bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động (trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát), gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, phát lệnh sát hạch, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh, đảm bảo quy định bài sát hạch số 1 tại một thời điểm chỉ có 01 thí sinh thực hiện.

3. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau: Tiếp nhận xe sát hạch, mũ bảo hiểm, bảo vệ khuỷu tay, bảo vệ đầu gối; thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách khi thực hiện bài sát hạch số 1; đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách, đeo bảo vệ khuỷu tay, bảo vệ đầu gối khi thực hiện bài sát hạch số 2.

III. Thực hiện bài sát hạch số 1

1. Thí sinh đi theo trình tự như sau:

1.1. Hình sát hạch số 1: xuất phát, đi qua hình số 8.

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, bật xi nhan trái chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

- Sau khi có hiệu lệnh xuất phát, thí sinh tắt xi nhan trái, tiến đến cửa vào hình số 8, rẽ phải đi một vòng hình số 8.

- Tiếp tục điều khiển xe tiến qua nửa hình số 3 đến cửa ra hình số 8.

- Điều khiển xe đến hình sát hạch số 2.

1.2. Hình sát hạch số 2: đi qua vạch đường thẳng

Thí sinh điều khiển xe đi vào hình sát hạch số 2, tiến qua vạch đường thẳng, bật xi nhan phải và điều khiển xe đến hình sát hạch số 3.

1.3. Hình sát hạch số 3: đi qua đường có vạch cản

Thí sinh điều khiển xe đi vào hình sát hạch số 3, tắt xi nhan phải, tiến qua đường có vạch cản và bật xi nhan trái, điều khiển xe đến hình sát hạch số 4.

1.4. Hình sát hạch số 4: đi qua đường gồ ghề

Thí sinh điều khiển xe đi vào hình sát hạch số 4, tắt xi nhan trái, tiến qua đường gồ ghề và kết thúc bài sát hạch.

2. Yêu cầu đạt được

- 2.1. Đi đúng trình tự hình sát hạch.
- 2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch.
- 2.3. Bánh xe không được đè lên vạch cản.
- 2.4. Hoàn thành bài sát hạch số 1 trong thời gian không quá 03 phút.
- 2.5. Không để xe chết máy trong quá trình thực hiện sát hạch.
- 2.6. Lái xe theo đúng tư thế an toàn (lái xe bằng hai tay, chân để trên gác chân hoặc sàn để chân của xe).

3. Các lỗi bị trừ điểm

- 3.1. Không chỉnh gương chiếu hậu trước khi xuất phát, trừ 05 điểm.
- 3.2. Không bật, không tắt xi nhan tại các vị trí quy định mỗi lần trừ 05 điểm.
- 3.3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 3.4. Bánh xe đè vào vạch cản của hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 3.5. Chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 3.6. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 3.7. Không để chân đúng vị trí, lái xe bằng một tay, trừ 05 điểm.
- 3.8. Thời gian thực hiện các bài sát hạch quá 03 phút, cứ quá 15 giây trừ 05 điểm.

4. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch

- 4.1. Không ngoái đầu qua vai quan sát phía sau bên trái, phía sau bên phải trước khi xuất phát.
- 4.2. Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách.
- 4.3. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.
- 4.4. Hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch.
- 4.5. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch.
- 4.6. Không hoàn thành bài sát hạch.

5. Công nhận kết quả

- 5.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 5.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.
- 5.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình bài sát hạch số 1 tại biên bản tổng hợp

kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

IV. Thực hiện bài sát hạch số 2

1. Bài sát hạch gồm 11 tình huống có thể không theo thứ tự, thí sinh điều khiển xe đi hai vòng

1.1. Xuất phát.

1.1.1. Các bước thực hiện:

- Dừng xe đúng vị trí vạch xuất phát;
- Thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xuất phát;
- Điều khiển xe đến tình huống tiếp theo.

1.1.2. Yêu cầu đạt được:

- Đội mũ bảo hiểm và cài quai đúng quy cách;
- Chỉnh gương chiếu hậu;
- Quan sát an toàn phía trước, ngoái đầu qua vai để quan sát phía sau bên trái, phía sau bên phải trước khi xuất phát;
- Bật xi nhan trái trước khi xuất phát.
- Tắt xi nhan trái sau khi đi qua vạch xuất phát 3000mm.

1.2. Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên

1.2.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên;
- Điều khiển xe đến tình huống tiếp theo.

1.2.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần nơi giao nhau phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan, giảm tốc độ; dừng xe, tiếp tục quan sát đảm bảo an toàn và điều khiển xe vào đường chính hoặc đường ưu tiên;
- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.3. Chuyển hướng rẽ phải

1.3.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống chuyển hướng rẽ phải;
- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.3.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí rẽ, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan phải, giảm tốc độ, chuyển hướng rẽ phải;
- Sau khi kết thúc quá trình rẽ phải, xe đi qua vị trí rẽ, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan phải.
- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.4. Chuyển hướng rẽ trái

1.4.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống chuyển hướng rẽ trái.

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.4.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí rẽ, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan trái, giảm tốc độ, chuyển hướng rẽ trái;

- Sau khi kết thúc quá trình rẽ trái, xe đi qua vị trí rẽ, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan trái.

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.5. Xử lý khi gặp đèn đỏ

1.5.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống gặp đèn đỏ;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.5.2. Yêu cầu đạt được:

- Thí sinh phải giảm tốc độ; quan sát phía trước, phía sau và hai bên; dừng xe trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 500mm;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.6. Chuyển hướng quay đầu

1.6.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống chuyển hướng quay đầu;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.6.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí quay đầu, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan theo hướng quay đầu, giảm tốc độ, chuyển hướng quay đầu;

- Sau khi kết thúc quá trình quay đầu, xe đi qua vị trí quay đầu, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan.

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.7. Xử lý nhường đường cho người đi bộ sang đường

1.7.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống nhường đường cho người đi bộ qua đường;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.7.2. Yêu cầu đạt được:

- Thí sinh phải quan sát phía trước và hai bên, giảm tốc độ; dừng xe trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 500mm;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.8. Vượt xe

1.8.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống vượt xe;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.8.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí vượt, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau, bật đèn xi nhan trái, tăng tốc độ, vượt xe;

- Sau khi kết thúc quá trình vượt xe, xe đi qua vị trí vượt, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan trái.

- Tốc độ thời điểm vượt xe trên 20 km/h;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.9. Xử lý gặp tình huống nguy hiểm

1.9.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi gặp tình huống nguy hiểm;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.9.2. Yêu cầu đạt được:

- Tốc độ tối thiểu đạt 20 km/h tại vị trí quy định bắt đầu phanh;

- Phải phanh và dừng lại an toàn trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 2000mm;

1.10. Xử lý khi gặp đường sắt

1.10.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống gặp đường sắt.

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.10.2. Yêu cầu đạt được:

- Thí sinh phải quan sát và chấp hành biển báo, dừng xe trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 500mm;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.11. Kết thúc

1.11.1. Các bước thực hiện:

Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi dừng xe kết thúc.

1.11.2. Yêu cầu đạt được:

Thí sinh phải quan sát phía trước và hai bên, đảm bảo an toàn, bật xi nhan phải, dừng xe, không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

2. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút.

3. Các lỗi bị trừ điểm

3.1. Không bật xi nhan tại các vị trí quy định; không tắt xi nhan trước khi chuyển sang tình huống tiếp theo, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.2. Không có thao tác giảm tốc độ tại vị trí quy định, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.3. Không đạt tốc độ tối thiểu trên 20 km/h tại vị trí quy định, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.4. Để xe chết máy hoặc xe bị rú ga, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.5. Chạm chân xuống đất trong quá trình xe di chuyển, mỗi lần bị trừ 05 điểm, trừ các trường hợp dừng xe tại vị trí xuất phát, giao nhau với đường ưu tiên, dừng đèn

đỏ, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm, dừng xe khi gặp đường sắt, dừng xe kết thúc.

3.6. Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 30 giây, trừ 05 điểm.

4. Các lỗi bị đình chỉ

4.1. Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách.

4.2. Không đeo bảo vệ khuỷu tay, bảo vệ đầu gối.

4.3. Không quan sát an toàn, ngoái đầu qua vai để quan sát phía sau bên trái, phía sau bên phải trước khi xuất phát.

4.4. Không dừng xe hoặc dừng xe quá vị trí quy định khi gặp tình huống giao nhau với đường ưu tiên, đèn tín hiệu màu đỏ, nhường đường cho người đi bộ, tình huống nguy hiểm, giao nhau với đường sắt.

4.5. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch hoặc đâm vào chướng ngại vật.

4.6. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.

4.7. Bánh xe đè lên vạch giới hạn.

5. Công nhận kết quả:

5.1. Thang điểm: 100 điểm.

5.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

5.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình bài sát hạch số 2 tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1 VÀ A

| | |
|------------------|--|
| Mẫu số 01 | Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng A1 và A |
| Mẫu số 02 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A - Bài sát hạch số 1 |
| Mẫu số 03 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A - Bài sát hạch số 2 |

Mẫu số 01.

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Lần thi:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

Mẫu số 02.
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH
BÀI SÁT HẠCH SỐ 1

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chụp
 ngẫu nhiên

| STT | Hình thi | Chi tiết lỗi | Điểm trừ |
|-----|-----------------------------|--------------|----------|
| 1 | Xuất phát, đi qua hình số 8 | | |
| 2 | Đi qua vạch đường thẳng | | |
| 3 | Đi qua đường có vạch cản | | |
| 4 | Đi qua đường gồ ghề | | |
| 5 | Các lỗi khác | | |
| | Tổng điểm trừ: | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại điểm 3, 4 mục III Phần B Phụ lục này;
- Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH
BÀI SÁT HẠCH SỐ 2

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chụp
 ngẫu nhiên

| STT | Bài sát hạch | Chi tiết lỗi | Điểm trừ |
|-----|---|--------------|----------|
| 1 | Xuất phát | | |
| 2 | Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên | | |
| 3 | Chuyển hướng rẽ phải | | |
| 4 | Chuyển hướng rẽ trái | | |
| 5 | Xử lý khi gặp đèn đỏ | | |
| 6 | Chuyển hướng quay đầu | | |
| 7 | Xử lý nhường đường cho người đi bộ sang đường | | |
| 8 | Vượt xe | | |
| 9 | Xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm | | |
| 10 | Xử lý khi gặp đường sắt | | |
| 11 | Kết thúc | | |
| 12 | Các lỗi khác | | |
| | Tổng điểm trừ | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại điểm 3, 4 mục IV Phần B Phụ lục này;

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch

3.1. Thời gian làm bài: 33 phút.

3.2. Đề thi được thiết kế gồm 50 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm.

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

1. Điểm đạt yêu cầu: từ 45/50 điểm trở lên.
2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên

Mỗi khu vực bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.
2. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động (trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát), gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, đảm bảo quy định bài sát hạch số 1 tại một thời điểm chỉ có 01 thí sinh thực hiện, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.
3. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).
4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

1. Thực hiện các bước sau:

Tiếp nhận xe sát hạch, mũ bảo hiểm; thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách khi thực hiện bài sát hạch.
2. Thực hiện bài sát hạch
 - 2.1. Trình tự và các bước thực hiện:
 - Thí sinh quan sát phía trước, phía sau và hai bên trước khi xuất phát;
 - Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;
 - Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình chữ chỉ cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc của hình sát hạch 01m thì dừng lại;
 - Lùi xe theo hướng ngược lại cho đến khi bánh xe trước của xe qua vạch bắt đầu của hình sát hạch.
 - 2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh:
 - Thí sinh quan sát phía trước, phía sau và hai bên trước khi xuất phát;

- Đi đúng trình tự bài sát hạch;
- Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;
- Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 03 phút;
- Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm:

- Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 10 điểm;
- Điều khiển xe bị rung giật mạnh, mỗi lần trừ 05 điểm;
- Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm;
- Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 03 phút, cứ quá 15 giây, trừ 05 điểm.

2.4. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách;
- Không quan sát phía trước phía sau và hai bên trước khi xuất phát;
- Đi không đúng trình tự bài sát hạch;
- Một bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch;
- Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
- Không hoàn thành bài sát hạch.

III. Công nhận kết quả

1. Thang điểm: 100 điểm.

2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

| | |
|-----------|--|
| Mẫu số 01 | Kết quả sát hạch lý thuyết hạng B1 |
| Mẫu số 02 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng B1 |

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Ảnh chụp
ngẫu nhiên

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số định danh:

Thời điểm bắt đầu:

Hạng sát hạch:

Thời điểm kết thúc:

Số báo danh:

Lần thi:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
|------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 |
|------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
|------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:

Lần thi:
 Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:

| Số TT | Các lỗi bị trừ điểm | Số lần lỗi | Điểm trừ (tính cho 1 lần) | Tổng điểm trừ |
|-------|--|------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch. | | 10 | |
| 2 | Điều khiển xe bị rung giật mạnh. | | 05 | |
| 3 | Xe bị chết máy. | | 05 | |
| 4 | Quá thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 15 giây tính 01 lỗi. | | 05 | |
| 5 | Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách. | | Đình chỉ sát hạch | |
| 6 | Không quan sát phía trước phía sau và hai bên trước khi xuất phát. | | Đình chỉ sát hạch | |
| 7 | Đi không đúng trình tự bài sát hạch. | | Đình chỉ sát hạch | |
| 8 | Một bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch. | | Đình chỉ sát hạch | |
| 9 | Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn. | | Đình chỉ sát hạch | |
| 10 | Không hoàn thành bài sát hạch. | | Đình chỉ sát hạch | |
| | Cộng tổng điểm trừ | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2 VÀ D

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch

3.1. Đề sát hạch có số lượng câu hỏi và thời gian làm bài như sau:

| Nội dung | Hạng B | Hạng C1 | Hạng C | Hạng D1, D2, D |
|--------------------------|--------|---------|--------|----------------|
| Số câu hỏi trắc nghiệm | 50 | 60 | 70 | 80 |
| Thời gian làm bài (phút) | 33 | 40 | 47 | 53 |

3.2. Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm.

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả

1. Điểm đạt yêu cầu, theo bảng sau

| Nội dung | Hạng B | Hạng C1 | Hạng C | Hạng D1, D2, D |
|--------------------|--------|---------|--------|----------------|
| Thang điểm | 50 | 60 | 70 | 80 |
| Điểm đạt tối thiểu | 45 | 54 | 63 | 72 |

2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch thực hành lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh và cùng phối hợp thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động (trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát), gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch.

1.3. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm, lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động, xe sát hạch (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

1.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: lái xe lên bó vỉa, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trong hình.

2.2.1. Trình tự thực hiện đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), B số cơ khí: thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình, gồm:

- Bài sát hạch số 1: xuất phát;
- Bài sát hạch số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch số 6: qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch số 7: ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch số 8: ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch số 9: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch số 10: thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 11: kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 10 thực hiện theo thứ tự phù hợp với diện tích của sân sát hạch.

2.2.2. Trình tự thực hiện đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng C1, C, D1, D2 và D: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: xuất phát;
- Bài sát hạch số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch số 6: qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch số 7: ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C1 và ghép ngang đối với hạng C, D1, D2 và D);
- Bài sát hạch số 8: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch số 9: thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 10: kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 9 thực hiện theo thứ tự phù hợp với diện tích sân sát hạch.

2.2.3. Yêu cầu chung:

- Trong quá trình sát hạch, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá

4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C1, C, D, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D1, D2;

- Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Kể từ khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng), nếu không phanh dừng xe trong thời gian 03 giây trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 05 giây trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên trừ 10 điểm. Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, nếu xe chuyển hướng rẽ hoặc chuyển làn đường thí sinh phải bật đèn xi nhan theo hướng di chuyển, nếu không thực hiện mỗi lần trừ 05 điểm; nếu dừng xe tại các vị trí không đúng quy định, mỗi lần trừ 05 điểm;

- Thời gian thực hiện sát hạch thực hành lái xe trong hình: 18 phút đối với hạng B; 15 phút đối với các hạng D1, D2; 20 phút đối với các hạng C1, C và D;

- Khi chuyển hướng rẽ trái hoặc rẽ phải thí sinh phải bật đèn xi nhan báo hướng di chuyển, mỗi lần không bật đèn xi nhan, trừ 05 điểm.

2.2.4. Yêu cầu cụ thể đối với từng bài sát hạch lái xe trong hình

Bài sát hạch số 1: xuất phát

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|---|---|
| 1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh. | 1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát. | 1. Không thắt dây an toàn, trừ 05 điểm. |
| 2. Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát. | 2. Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây. | 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, trừ 05 điểm. |
| 3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt). | 3. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát. | 3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), trừ 05 điểm. |
| 4. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo. | 4. Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt). | 4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời trừ 05 điểm. |
| | 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục. | 5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, trừ 05 điểm. |
| | | 6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị đình chỉ sát hạch. |

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|--------------------|---|---|
| | 6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 7. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 8. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | 7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. |

Bài sát hạch số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|--|--|
| 1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm. 2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo. | 1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm. 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 5. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | 1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. |

Bài sát hạch số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc

| | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|--|---|
| <p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm.</p> <p>2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm.</p> <p>2. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500mm.</p> <p>3. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây.</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>6. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, B1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | <p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>5. Xe bị tụt dốc quá 500mm kể từ khi dừng xe, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 1 điểm.</p> |

Bài sát hạch số 4: qua vết bánh xe và đường vòng vuông góc

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|--|---|--|
| <p>1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vết bánh xe.</p> <p>2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>3. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch.</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vết bánh xe.</p> <p>3. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch.</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. | <p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vết bánh xe, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>9. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>11. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> |

Bài sát hạch số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|---|---|
| <p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại; - Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi. - Đèn tín hiệu màu vàng nếu đã đi quá vạch dừng thì được phép đi, nếu chưa đến vạch dừng phải dừng lại. <p>2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái.</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải.</p> <p>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định.</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường.</p> <p>7. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông.</p> <p>2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 1000mm.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái.</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải.</p> <p>5. Xe qua ngã tư trong thời gian 20 giây.</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>7. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>8. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>9. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | <p>1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), trừ 10 điểm.</p> <p>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> |

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|--------------------|------------------|---|
| | | 11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. |

Bài sát hạch số 6: qua đường vòng quanh co

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|---|--|
| 1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 02 phút. 2. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo. | 1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch. 2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch. 3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút. 4. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 6. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | 1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch. 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây trừ 05 điểm. 4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm. 5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 7. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. |

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|--------------------|------------------|---|
| | | <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> |

Bài sát hạch số 7: ghép xe vào nơi đỗ

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|--|---|--|
| <p>1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C1) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), B số cơ khí, C, D1, D2, D).</p> <p>2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ.</p> <p>3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định.</p> <p>4. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch.</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch.</p> <p>3. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | <p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây trừ 05 điểm.</p> <p>4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe nằm trong khu vực ghép xe nhưng không có tín hiệu báo kết thúc), trừ 05 điểm.</p> <p>5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>6. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm.</p> <p>7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> |

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|--------------------|------------------|---|
| | | 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 9. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 12. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. |

Bài sát hạch số 8: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|---|--|
| 1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm. 2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo. | 1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm. 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 5. Tốc độ xe chạy không quá. - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 | 1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 6. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. |

| | | |
|--|---------------------------------|---|
| | - 20 km/h đối với hạng C1, C, D | <p>7. Đê tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> |
|--|---------------------------------|---|

Bài sát hạch số 9: thay đổi số trên đường bằng

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|---|---|
| <p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D1, D2: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C1, C, D: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h.</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D1, D2: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C1, C, D: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h.</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> | <p>1. Không thay đổi số theo quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Đê tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> | <p>quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> |
|--|---|--|

Bài sát hạch số 10: kết thúc

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm |
|---|---|--|
| <p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc.</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe.</p> | <p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc.</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc.</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. | <p>1. Không qua vạch kết thúc, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>3. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>4. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>5. Khi xe qua vạch kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không bật đèn xi nhan phải, trừ 05 điểm; b) Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm; c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm; d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm; đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. |

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu, theo bảng sau

| Nội dung | Hạng B | Hạng D1, D2 | Hạng C1, C, D |
|--------------------|--------|-------------|---------------|
| Thang điểm | 100 | 100 | 100 |
| Điểm đạt tối thiểu | 80 | 80 | 80 |

3.2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

4. Sát hạch thực hành lái xe trên đường

4.1. Đối với sát hạch viên, mỗi xe bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận xe sát hạch và thiết bị chấm điểm trên xe sát hạch; kiểm tra việc kết nối giữa thiết bị chấm điểm với phần mềm điều hành và quản lý sát hạch lái xe trên đường, việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch, hoạt động của thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

- Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

- Thực hiện nhiệm vụ sát hạch: quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện (thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị hoặc bằng lời nói); bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch; theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

- Theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.

- Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm, lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động, xe sát hạch (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

4.2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau

- Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

- Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông.

4.3. Đoạn đường sát hạch: tối thiểu 05 km (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông và thông báo với cơ quan quản lý giao

thông có thẩm quyền); đoạn đường sát hạch có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo có các tình huống giao thông: ngã ba, ngã tư, đường nhánh ra đường chính hoặc đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, vòng xuyên, đèn tín hiệu giao thông, lối dành cho người đi bộ sang đường để đảm bảo thực hiện được 12 bài sát hạch quy định tại điểm 4.4 mục này.

4.4. Thí sinh thực hiện 12 bài sát hạch, gồm:

- Bài số 1: Kiểm tra an toàn xe và xuất phát.
- Bài số 2: Tăng tốc vượt xe.
- Bài số 3: Tăng tốc, chuyển làn (được thực hiện căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông).
- Bài số 4: Chuyển hướng rẽ trái.
- Bài số 5: Chuyển hướng rẽ phải.
- Bài số 6: Chuyển hướng quay đầu.
- Bài số 7: Tránh xe đi ngược chiều.
- Bài số 8: Nhường đường cho người đi bộ hoặc xe lăn của người khuyết tật qua đường.
- Bài số 9: Dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm.
- Bài số 10: Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên.
- Bài số 11: Chấp hành tín hiệu đèn giao thông (được thực hiện căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông).
- Bài số 12: Mở cửa xe và kết thúc.

Trên đoạn đường sát hạch, trừ bài sát hạch số 1 và số 12, các bài còn lại có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

4.5. Yêu cầu đối với từng bài sát hạch

Bài sát hạch số 1: kiểm tra an toàn xe và xuất phát

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|--|---|--|
| 1. Thí sinh phải kiểm tra không gian xung quanh xe, các thiết bị an toàn chính của xe. 2. Điều chỉnh tư thế ngồi trong xe trước khi xuất phát. 3. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh. 4. Khi có lệnh xuất phát (tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát. | 1. Kiểm tra điểm mù xung quanh xe và các yếu tố an toàn khác trước khi xuất phát; đi một vòng quanh xe, quan sát gầm xe, bánh xe. 2. Kiểm tra hệ thống đèn, còi, gạt mưa, kiểm tra hệ thống phanh, hệ thống lái. 3. Kiểm tra các vật dụng cứu hộ trên xe. 4. Quan sát hệ thống báo thông báo hiển thị trên xe. 5. Điều chỉnh tư thế ngồi đảm bảo thuận tiện trong việc sử dụng vô lăng, chân ga, chân phanh, chân côn (nếu có). 6. Kiểm tra tầm nhìn của | 1. Không kiểm tra xung quanh xe, trừ 05 điểm. 2. Không kiểm tra hệ thống đèn, còi, hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống gạt mưa, gương chiếu hậu bên trái, bên phải và phía trong xe, trừ 05 điểm. 3. Điều chỉnh tư thế ngồi không phù hợp, trừ 05 điểm. 4. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm. 5. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, trừ 10 điểm. |

| | | |
|--|---|---|
| <p>5. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành.</p> <p>6. Điều khiển tăng số và lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>gương chiếu hậu phía bên trái, phía bên phải và trong xe.</p> <p>7. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát.</p> <p>8. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát.</p> <p>9. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm.</p> <p>10. Trong khoảng 15 m phải tăng số.</p> <p>11. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> | <p>6. Không nhả hoặc nhả không hết phanh đỗ khi khởi hành, trừ 05 điểm.</p> <p>7. Trong khoảng 15 m không tăng số, trừ 05 điểm.</p> <p>8. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>9. Không thực hiện việc kiểm tra an toàn trước khi xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>10. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.</p> |
|--|---|---|

b) Bài sát hạch số 2: vượt xe

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|--|--|
| <p>1. Thí sinh thực hiện thao tác vượt xe: quan sát, phát tín hiệu, nhận tín hiệu, tăng tốc, vượt xe.</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi, bật đèn xi nhan trái trước khi vượt.</p> <p>2. Bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau và hai bên.</p> <p>3. Quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu.</p> <p>4. Giữ cho động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>5. Không để xe bị rung giật mạnh.</p> <p>6. Không gây mất an toàn.</p> <p>7. Không để xe bị choạng lái quá làn đường.</p> <p>8. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p> | <p>1. Không báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau và 2 bên, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Vượt xe khi chưa nhận được tín hiệu cho phép của xe phía trước, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Để xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>9. Không bật đèn xi nhan trái khi vượt, trừ 10 điểm.</p> <p>10. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên,</p> |

| | | |
|--|--|---|
| | | bị đình chỉ sát hạch. 11. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 12. Khi vượt, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch. |
|--|--|---|

Bài sát hạch số 3: tăng tốc, chuyển làn.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|---|---|
| 1. Thí sinh thực hiện quan sát, phát tín hiệu, tăng tốc độ và chuyển làn. 2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo. | 1. Quan sát an toàn, phát tín hiệu, tăng tốc phù hợp và chuyển làn. 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ. 5. Thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên xe sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên. 6. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định. 7. Chuyển làn đảm bảo an toàn. | 1. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Để xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 5. Không quan sát đảm bảo an toàn, trừ 05 điểm. 6. Không có tín hiệu trước khi chuyển làn, trừ 10 điểm. 7. Chuyển hai làn cùng một lúc, trừ 10 điểm. 8. Chuyển làn tại nơi không cho phép, trừ 10 điểm. 9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch. 10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch. |

Bài sát hạch số 4: chuyển hướng rẽ trái.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|--|---|
| 1. Thí sinh thực hiện việc quan sát, phát tín hiệu, giảm tốc độ và chuyển hướng xe sang trái. | 1. Quan sát hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu các hướng trước khi chuyển hướng xe. 2. Giảm tốc độ, bật đèn xi | 1. Trong quá trình thực hiện chuyển hướng xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Trong quá trình chuyển |

| | | |
|---|--|---|
| <p>2. Điều khiển xe đến bãi sát hạch tiếp theo.</p> | <p>nhạn trái, quan sát gương chiếu hậu bên trái, chuyển dần sang làn gần nhất hướng rẽ.</p> <p>3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau.</p> <p>4. Trong quá trình chuyển hướng giữ xe hoạt động liên tục và không để xe bị rung giật mạnh.</p> <p>5. Thực hiện việc nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật và các phương tiện thô sơ và xe đi theo hướng ngược lại.</p> <p>6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p> | <p>hướng xe bị chết máy, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Không giảm tốc độ về mức an toàn trước khi chuyển hướng, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Không thực hiện chuyển dần làn đường sang hướng cần chuyển, trừ 10 điểm.</p> <p>6. Không bật xi nhan trái, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Chuyển hướng đột ngột, trừ 10 điểm.</p> <p>8. Không quan sát hai bên, phía trước, gương chiếu hậu bên phải, bên trái trước và trong quá trình chuyển hướng, trừ 10 điểm.</p> <p>9. Không thực hiện nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật, trừ 10 điểm.</p> <p>10. Không thực hiện nhường đường cho xe đi chiều ngược lại, trừ 10 điểm.</p> <p>11. Chuyển hướng xe lấn sang làn xe ngược chiều, trừ 10 điểm.</p> <p>12. Không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau, xe phía bên trái, trừ 10 điểm.</p> <p>13. Sau khi chuyển hướng không trả lái, đưa xe về làn đường quy định, trừ 10 điểm.</p> <p>14. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>15. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p> |
|---|--|---|

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|--|---|---|
| <p>1. Thí sinh thực hiện việc quan sát, phát tín hiệu, giảm tốc độ và chuyển hướng xe sang phải.</p> <p>2. Điều khiển xe đến bãi sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Quan sát hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu, các hướng trước khi chuyển hướng xe.</p> <p>2. Giảm tốc độ, bật đèn xi nhan phải, quan sát gương chiếu hậu bên phải, chuyển dần sang làn gần nhất hướng rẽ.</p> <p>3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau.</p> <p>4. Trong quá trình chuyển hướng để xe hoạt động liên tục và không để xe bị rung giật mạnh.</p> <p>5. Thực hiện việc nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật và các phương tiện thô sơ và xe đi theo hướng ngược lại.</p> <p>6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p> | <p>1. Trong quá trình thực hiện chuyển hướng xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Trong quá trình chuyển hướng xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Không giảm tốc độ về mức an toàn trước khi chuyển hướng, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Không thực hiện chuyển dần làn đường sang hướng cần chuyển, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Không bật xi nhan phải, trừ 10 điểm.</p> <p>8. Chuyển hướng đột ngột, trừ 10 điểm.</p> <p>9. Không quan sát hai bên, gương chiếu hậu bên phải, bên trái trước và trong quá trình chuyển hướng, trừ 10 điểm.</p> <p>10. Không thực hiện nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật, trừ 10 điểm.</p> <p>11. Không thực hiện nhường đường cho xe đi chiều ngược lại, trừ 10 điểm.</p> <p>12. Chuyển hướng xe lấn sang làn xe ngược chiều, trừ 10 điểm.</p> <p>13. Không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau, trừ 10 điểm.</p> <p>14. Sau khi chuyển hướng không trả lái, đưa xe về</p> |

| | | |
|--|--|---|
| | | làn đường quy định, trừ 10 điểm. 15. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 16. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch. |
|--|--|---|

Bài sát hạch số 6: chuyển hướng quay đầu.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|---|--|
| 1. Thí sinh thực hiện việc quan sát, phát tín hiệu, giảm tốc độ và chuyển hướng quay đầu. 2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo. | 1. Giảm tốc độ xe về mức an toàn trước khi thực hiện thao tác quay đầu xe. 2. Quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu. Bật đèn xi nhan về hướng quay đầu xe. 3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau. 4. Chuyển dần sang làn đường gần nhất với hướng quay đầu. 5. Trong quá trình quay đầu để xe hoạt động liên tục và không bị rung giật mạnh. 6. Thực hiện việc nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật hoặc các phương tiện đang di chuyển chiều ngược lại (nếu có). 7. Phải có thao tác chuyển chân ga sang chân phanh tại điểm quay đầu. 8. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ. | 1. Trong quá trình thực hiện quay đầu xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Trong quá trình quay đầu xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 5. Không giảm tốc độ về mức an toàn, trừ 05 điểm. 6. Không bật xi nhan về hướng quay đầu, trừ 10 điểm. 7. Không quan sát hai bên, gương chiếu hậu tất cả các hướng khi quay đầu, trừ 10 điểm. 8. Không thực hiện nhường đường cho người đi bộ, trừ 10 điểm. 9. Không thực hiện nhường đường cho xe đi chiều ngược lại, trừ 10 điểm. 10. Không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau, trừ 10 điểm. 11. Gây trở ngại và nguy hiểm cho người và các phương tiện khác, trừ 10 điểm. |

| | | |
|--|--|---|
| | | <p>12. Sau khi quay xe không trả lái, đưa xe về làn đường quy định, trừ 10 điểm.</p> <p>13. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>14. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p> |
|--|--|---|

Bài sát hạch số 7: tránh xe đi ngược chiều.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|--|---|--|
| <p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để quan sát, giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình để nhường đường.</p> <p>2. Kết thúc quá trình nhường đường, tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>2. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>3. Không để xảy ra tình huống nguy hiểm trong quá trình tránh xe.</p> <p>4. Tránh xe theo đúng quy tắc giao thông.</p> <p>5. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p> | <p>1. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Đè xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Đè tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không quan sát an toàn (2 bên, phía sau, phía trước) trừ 05 điểm.</p> <p>5. Không giảm tốc độ hoặc không có thao tác chuyển từ chân ga sang chân phanh, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p> |

Bài sát hạch số 8: nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|---|---|
| <p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để nhường đường.</p> <p>2. Kết thúc quá trình nhường đường, tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p> | <p>1. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>2. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>3. Phải nhường đường và không để xảy ra tình huống nguy hiểm trong quá trình nhường đường.</p> <p>4. Không được sử dụng còi để hối thúc người đi bộ, xe</p> | <p>1. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Đè xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Đè tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không nhường đường (không giảm tốc độ hoặc</p> |

| | | |
|--|---------------------------|--|
| | lăn của người khuyết tật. | <p>dừng lại) trong trường hợp khi đèn tín hiệu giao thông hiện màu xanh nhưng trên đường có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang đi ở lòng đường, trừ 10 điểm.</p> <p>5. Không nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường (không giảm tốc độ hoặc dừng lại) trong trường hợp đèn tín hiệu giao thông hiện màu vàng nhấp nháy, trừ 10 điểm.</p> <p>6. Không nhường đường (không giảm tốc độ hoặc dừng lại) cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật khi chuyển hướng, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Không nhường đường tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường, trừ 10 điểm.</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p> |
|--|---------------------------|--|

Bài sát hạch số 9: dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|---|---|
| <p>1. Khi có hiệu lệnh kết thúc hoặc yêu cầu dừng xe từ sát hạch viên/hệ thống loa, người điều khiển phải quan sát gương chiếu hậu hoặc ngoái đầu để kiểm tra an toàn phía sau và bên phải.</p> <p>2. Bật tín hiệu xi nhan phải để báo hiệu</p> | <p>1. Bắt buộc phải bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe và trong khoảng cách quy định.</p> <p>2. Dừng xe đúng vị trí, sát lề đường bên phải, sử dụng phanh đỗ, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.</p> <p>3. Thiết bị cảm biến phanh và tốc độ ghi nhận quá trình giảm tốc độ, không phanh</p> | <p>1. Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Dừng xe nhưng không giảm hết số (đối với xe số), trừ 05 điểm.</p> <p>3. Thao tác phanh dừng xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Khi dừng xe, không sử dụng phanh đỗ, trừ 05</p> |

| | | |
|--|---|---|
| <p>xin tấp vào lề.</p> <p>3. Chủ động rà phanh, giảm tốc độ từ từ và điều khiển xe đi sát vào lề đường bên phải.</p> <p>4. Dừng xe đúng vị trí quy định, giảm hết số (về số N hoặc số P nếu là xe số) và kéo phanh đỗ.</p> | <p>gấp gậy rung giật.</p> <p>4. Mở cửa xuống xe, đặt cảnh báo phía sau xe, khoảng cách tối thiểu 20m.</p> | <p>điểm.</p> <p>5. Chuyển hướng vào lề nhưng xe bị choạng lái, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Không dừng xe, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Không đặt cảnh báo, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p> |
|--|---|---|

Bài sát hạch số 10: xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|--|---|---|
| <p>1. Khi đến gần nơi giao nhau có biển báo giao nhau với đường ưu tiên hoặc từ đường nhánh đi ra phải giảm tốc độ hoặc dừng lại nếu cần thiết.</p> <p>2. Quan sát để đánh giá tình hình giao thông trên đường chính.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan báo hiệu hướng rẽ (nếu chuyển hướng).</p> <p>4. Nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.</p> <p>5. Khi xác nhận đủ khoảng trống và điều kiện an toàn, mới được tăng ga từ từ để nhập làn vào đường chính.</p> | <p>1. Giảm tốc độ xe về mức an toàn trước khi thực hiện thao tác nhập làn.</p> <p>2. Quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu.</p> <p>3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía sau.</p> <p>4. Xe hoạt động liên tục và không bị rung giật mạnh.</p> <p>5. Thực hiện việc nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.</p> <p>6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p> | <p>1. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Không quan sát an toàn, trừ 10 điểm.</p> <p>4. Không bật tín hiệu xi nhan báo rẽ khi nhập từ đường nhánh ra đường chính, trừ 10 điểm.</p> <p>5. Không giảm tốc độ, trừ 10 điểm.</p> <p>6. Không nhường đường cho xe ưu tiên, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p> |

Bài sát hạch số 11: chấp hành tín hiệu đèn giao thông.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|--------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1. Chấp hành theo | 1. Chấp hành theo đèn tín | 1. Xe bị chết máy, mỗi |

| | | |
|--|---|---|
| <p>tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại. - Đèn tín hiệu màu xanh được phép đi. - Đèn tín hiệu màu vàng nếu trước vạch dừng phải giảm tốc độ và dừng lại, nếu quá vạch dừng thì được phép đi tiếp. <ol style="list-style-type: none"> 2. Dừng xe trước vạch dừng khi đèn đỏ. 3. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên: rẽ trái, rẽ phải hoặc đi thẳng. 4. Bật đèn xi nhan khi chuyển hướng. 5. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo. | <p>hiệu điều khiển giao thông.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Dừng xe trước vạch dừng khi đèn đỏ. 3. Bật đèn xi nhan về hướng muốn rẽ, quan sát an toàn tại tất cả các hướng ở giao lộ, quan sát an toàn gương chiếu hậu. 4. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ. 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ. | <p>lần trừ 05 điểm.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 4. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 10 điểm. 5. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, trừ 10 điểm. 6. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị đình chỉ sát hạch. 7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 8. Không chấp hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên bị đình chỉ sát hạch. |
|--|---|---|

Bài sát hạch số 12: mở cửa xe và kết thúc bài sát hạch.

| Các bước thực hiện | Yêu cầu đạt được | Các lỗi trừ điểm, đình chỉ |
|---|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Khi sát hạch viên ra hiệu lệnh kết thúc bài sát hạch, thí sinh thực hiện thao tác quan sát an toàn lề đường phía trước bên phải và gương chiếu hậu bên phải. 2. Giảm số, giảm tốc độ, bật xi nhan phải và điều khiển xe đi sát vào lề đường. 3. Dừng xe đúng quy định, về số không, kéo phanh tay. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan sát an toàn trực tiếp và qua gương chiếu hậu. 2. Giảm số giảm tốc độ. 3. Bật xi nhan phải. 4. Dừng xe sát lề đường, không quá 0,25m. 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Không giảm số, giảm tốc độ, trừ 05 điểm. 2. Để xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Dừng xe cách lề đường quá 0,25m, trừ 10 điểm. 4. Không bật xi nhan, trừ 10 điểm. 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 6. Không chấp hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên bị đình chỉ sát hạch. |

| | | |
|---|--|--|
| 4. Quan sát gương chiếu hậu bên trái, bảo đảm an toàn thì mở hé cửa, quan sát trực tiếp phía sau rồi ra khỏi xe, đóng cửa xe, kết thúc phần sát hạch. | | |
|---|--|--|

4.6. Công nhận kết quả:

- Thang điểm: 100 điểm.

- Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trên đường tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

**C. CÁC BIỂU MẪU
LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE
CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2, D**

| | |
|------------------|--|
| Mẫu số 01 | Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng B, C1, C, D1, D2, D |
| Mẫu số 02 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng B, C1, C, D1, D2, D |
| Mẫu số 03 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng B, C1, C, D1, D2, D |

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số định danh:

Thời điểm bắt đầu:

Hạng sát hạch:

Thời điểm kết thúc:

Số báo danh:

Lần thi:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 | 51 | 52 | 53 | 54 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông*

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Hạng sát hạch:

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số báo danh:

Số định danh:

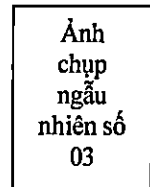
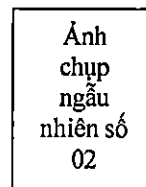
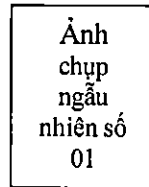
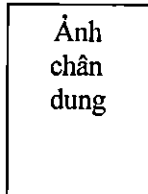
Thời điểm bắt đầu:

Số xe sát hạch:

Lần thi:

Thời điểm kết thúc:

Tổng thời gian sát hạch:



| STT | Bài sát hạch | Thời điểm | | Chi tiết lỗi | Điểm trừ |
|-----|--|-----------|--------|--------------|----------|
| | | Vào bài | Ra bài | | |
| 1 | Xuất phát | | | | |
| 2 | Dừng xe nhường đường cho người đi bộ | | | | |
| 3 | Dừng và khởi hành xe ngang dốc | | | | |
| 4 | Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc | | | | |
| 5 | Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông | | | | |
| 6 | Qua đường vòng quanh co | | | | |
| 7 | Ghép xe dọc vào nơi đỗ | | | | |
| 8 | Ghép xe ngang vào nơi đỗ | | | | |
| 9 | Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua | | | | |
| 10 | Thay đổi số trên đường bằng | | | | |
| 11 | Tình huống khẩn cấp | | | | |
| 12 | Kết thúc | | | | |
| | Tổng điểm trừ | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Thứ tự các bài sát hạch theo bố trí theo bố trí thực tế tại trung tâm sát hạch;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại phần 2.3.4, mục I, Phần B Phụ lục này;
- Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

Mẫu số 03.
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số định danh:
Lần thi:

Kỳ sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:

Hạng sát hạch:
Số báo danh:
Số xe sát hạch:
Tổng quãng đường sát hạch:

Ảnh
chân
dung

Ảnh
chụp
ngẫu
nhiên

Ảnh
chụp
ngẫu
nhiên

Ảnh
chụp
ngẫu
nhiên

| STT | Bài sát hạch | Chi tiết lỗi | Điểm trừ |
|-----|---|--------------|----------|
| 1 | Kiểm tra an toàn và xuất phát | | |
| 2 | Vượt xe | | |
| 3 | Tăng tốc, chuyển làn | | |
| 4 | Chuyển hướng rẽ trái | | |
| 5 | Chuyển hướng rẽ phải | | |
| 6 | Chuyển hướng quay đầu | | |
| 7 | Tránh xe đi ngược chiều | | |
| 8 | Nhường đường cho người đi bộ hoặc xe lăn của người khuyết tật qua đường | | |
| 9 | Dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm | | |
| 10 | Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên | | |
| 11 | Chấp hành tín hiệu đèn giao thông | | |
| 12 | Mở cửa xe và kết thúc | | |
| | Tổng điểm trừ | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Thứ tự các bài sát hạch theo tổ chức giao thông thực tế trên đường sát hạch;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại phần 4.5, mục II, Phần B Phụ lục này;
- Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG BE, D1E, D2E, DE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi với nhau trong quá trình làm bài sát hạch. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch:

3.1. Thời gian làm bài: 60 phút;

3.2. Đề thi được thiết kế gồm 90 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm;

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

1. Điểm đạt yêu cầu: từ 81/90 điểm trở lên.

2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: có tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch.

1.3. Theo dõi quá trình sát hạch để chấm điểm, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm hoặc lỗi phương tiện (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

1.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: lái xe gây va chạm, tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thực hiện bài sát hạch lái xe trong hình theo trình tự và các bước sau:

2.2.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, bật đèn xi nhan trái, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, hạ phanh đỗ, điều khiển xe qua vạch xuất phát, tắt đèn xi nhan trái, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi xe qua vạch kết thúc bài sát hạch, trước khi kết thúc bật đèn xi nhan phải.

2.3. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.3.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch.

2.3.2. Thân xe, bánh xe không được chạm cọc chuẩn.

2.3.3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 03 phút.

2.3.4. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch.

2.3.5. Bật, tắt đèn xi nhan đúng quy định.

2.4. Các lỗi trừ điểm:

- 2.4.1. Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần trừ 15 điểm.
- 2.4.2. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.
- 2.4.3. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 2.4.4. Không bật, tắt đèn xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 2.4.5. Quá thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm.
- 2.5. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:
 - 2.5.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.
 - 2.5.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn.
 - 2.5.3. Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn.
 - 2.5.4. Không hoàn thành bài sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

- 3.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 3.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên, mỗi xe bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch, hoạt động của thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.3. Thực hiện nhiệm vụ sát hạch: quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện; bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch; theo dõi quá trình thực hiện của thí sinh để ghi nhận các lỗi của thí sinh (nếu có).

1.4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thí sinh kiểm tra an toàn xe, chỉnh gương chiếu hậu hai bên, thắt dây an toàn, hạ phanh tay trước khi xuất phát.

2.3. Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường, quãng đường tối thiểu 05 km (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông và

thông báo với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền); đoạn đường sát hạch có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo có các tình huống giao thông: ngã ba; ngã tư; đường nhánh ra đường chính hoặc đường không ưu tiên ra đường ưu tiên; vòng xuyên, đèn tín hiệu giao thông, lối dành cho người đi bộ sang đường. Các bài sát hạch: quay đầu xe, chuyển làn, tăng tốc vượt xe, rẽ trái, rẽ phải, mở cửa xe, chấp hành tín hiệu đèn giao thông, đi qua vòng xuyên, đi qua nơi giao nhau cùng mức, đi trên đường đèo dốc, đường có nhiều khúc cua liên tiếp, đi qua đường sắt.

2.4. Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

3. Yêu cầu đạt được:

3.1. Kiểm tra an toàn xung quanh xe, chỉnh gương, chỉnh ghế và thắt dây an toàn.

3.2. Bật đèn xi nhan trái khi khởi hành.

3.3. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 0,5 m, tắt đèn xi nhan khi xe đã nhập làn.

3.4. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15 m đầu phải tăng được số.

3.5. Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường.

3.6. Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ.

3.7. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

3.8. Bật tín hiệu đèn xi nhan phải trước khi dừng xe.

3.9. Giảm hết số khi dừng xe.

3.10. Dừng xe đúng vị trí quy định.

3.11. Kéo phanh đỗ khi xe dừng hẳn.

3.12. Đi tối thiểu 05 km và thực hiện tối thiểu 06/12 tình huống giao thông quy định tại mục 2.3 (tùy theo tổ chức giao thông tại đoạn đường sát hạch).

4. Các lỗi trừ điểm:

4.1. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.

4.2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe kết thúc, trừ 10 điểm.

4.3. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần trừ 10 điểm.

4.4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.

4.5. Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành, trừ 05 điểm.

4.6. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15 m đầu không tăng được số, trừ 05 điểm.

4.7. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, trừ 05 điểm.

4.8. Không giảm hết số khi dừng xe, trừ 05 điểm.

4.9. Không kéo phanh đỗ khi dừng xe, trừ 05 điểm.

4.10. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

5. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- 5.1. Không kiểm tra an toàn trước khi xuất phát.
- 5.2. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.
- 5.3. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn giao thông.
- 5.4. Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

6. Công nhận kết quả:

- 6.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 6.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

6.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU

LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG BE, D1E, D2E, DE

| | |
|------------------|---|
| Mẫu số 01 | Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng BE, D1E, D2E, DE |
| Mẫu số 02 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng BE, D1E, D2E, DE |
| Mẫu số 03 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng BE, D1E, D2E, DE |

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số định danh:

Thời điểm bắt đầu:

Hạng:

Thời điểm kết thúc:

Số báo danh:

Lần thi:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 47 | 48 | 49 | 50 | 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 69 | 70 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 | 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

| STT | Các lỗi trừ điểm | Điểm trừ (tính cho 1 lần) | Số lần mắc lỗi | Tổng điểm trừ |
|----------------------|--|---------------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Xe bị chết máy. | 5 | | |
| 2 | Quá thời gian thực hiện bài sát hạch 30 giây. | 5 | | |
| 3 | Không bật, tắt xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc. | 5 | | |
| 4 | Không thắt dây an toàn. | 10 | | |
| 5 | Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đổ. | 15 | | |
| 6 | Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 7 | Đi không đúng trình tự bài sát hạch. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 8 | Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 9 | Không hoàn thành bài sát hạch. | Đình chỉ sát hạch | | |
| Tổng điểm trừ | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:

Kỳ sát hạch:
 Số xe sát hạch: Hạng:
 Số báo danh: Lần thi:

| STT | Các lỗi trừ điểm | Điểm trừ (tính cho 1 lần) | Số lần mắc lỗi | Tổng điểm trừ |
|---------------------------|--|---------------------------------|----------------------|------------------|
| 1 | Không bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát, không tắt đèn xi nhan khi xe đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi kết thúc. | 5 | | |
| 2 | Khởi hành xe bị rung giật mạnh. | 5 | | |
| 3 | Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành. | 5 | | |
| 4 | Xe bị chết máy. | 5 | | |
| 5 | Sau khi khởi hành, trong khoảng 15m đầu không tăng được số. | 5 | | |
| 6 | Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường. | 5 | | |
| 7 | Không giảm hết số khi dừng xe. | 5 | | |
| 8 | Không sử dụng phanh đỗ khi dừng xe. | 5 | | |
| 9 | Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ. | 10 | | |
| 10 | Không thắt dây an toàn. | 10 | | |
| 11 | Không kiểm tra an toàn xe trước khi xuất phát. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 12 | Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 13 | Xử lý tình huống không hợp lý gây ra va chạm hoặc tai nạn giao thông. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 14 | Xe bị choạng lái quá làn đường quy định. | Đình chỉ sát hạch | | |
| Tổng cộng điểm trừ | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG C1E VÀ CE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi với nhau trong quá trình làm bài sát hạch. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch:

3.1. Thời gian làm bài: 60 phút;

3.2. Đề thi được thiết kế gồm 90 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm;

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự

động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

1. Điểm đạt yêu cầu: từ 81/90 điểm trở lên.
2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: có tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - 1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.
 - 1.2. Gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch.
 - 1.3. Theo dõi quá trình sát hạch để chấm điểm, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm hoặc lỗi phương tiện (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.
 - 1.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: lái xe lên bó vỉa, gây va chạm, tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.
 - 1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.
2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:
 - 2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.
 - 2.2. Trình tự và các bước thực hiện bài sát hạch số 1 (tiền qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại).
 - 2.2.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, bật đèn xi nhan trái, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.
 - 2.2.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, hạ phanh đỗ, điều khiển xe qua vạch xuất phát, tắt đèn xi nhan trái, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi xe qua vạch kết thúc bài sát hạch, trước khi kết thúc bật đèn xi nhan phải.
 - 2.3. Trình tự và các bước thực hiện bài sát hạch số 2 (ghép xe vào nơi đỗ)
 - 2.3.1. Thí sinh lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc.
 - 2.3.2. Thí sinh lùi để ghép xe vào nơi đỗ.

2.3.3. Thí sinh dừng xe khi bánh xe sau nằm trên vị trí đỗ quy định.

2.3.4. Thí sinh điều khiển xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và dừng lại.

2.4. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.4.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch.

2.4.2. Thân xe, bánh xe không được chạm cọc chuẩn.

2.4.3. Hoàn thành bài 1 trong thời gian 03 phút; bài 2 trong thời gian 04 phút.

2.4.4. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch.

2.4.5. Bật, tắt đèn xi nhan đúng quy định.

2.5. Các lỗi trừ điểm:

2.5.1. Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đỗ, mỗi lần trừ 15 điểm.

2.5.2. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.

2.5.3. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

2.5.4. Không bật, tắt đèn xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc, mỗi lần trừ 05 điểm.

2.5.5. Quá thời gian thực hiện một bài sát hạch, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm.

2.6. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.6.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.

2.6.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn.

2.6.3. Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn.

2.6.4. Không hoàn thành bài sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên, mỗi xe bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch, hoạt động của thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.3. Thực hiện nhiệm vụ sát hạch: quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện; bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch; theo dõi quá trình thực hiện của thí sinh

để ghi nhận các lỗi của thí sinh (nếu có).

1.4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thí sinh kiểm tra an toàn xe, chỉnh gương chiếu hậu hai bên, thắt dây an toàn, hạ phanh tay trước khi xuất phát.

2.3. Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường, quãng đường tối thiểu 05 km (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông và thông báo với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền); đoạn đường sát hạch có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo có các tình huống giao thông: ngã ba; ngã tư; đường nhánh ra đường chính hoặc đường không ưu tiên ra đường ưu tiên; vòng xuyên, đèn tín hiệu giao thông, lối dành cho người đi bộ sang đường. Các bài sát hạch: quay đầu xe, chuyển làn, tăng tốc vượt xe, rẽ trái, rẽ phải, mở cửa xe, chấp hành tín hiệu đèn giao thông, đi qua vòng xuyên, đi qua nơi giao nhau cùng mức, đi trên đường đèo dốc, đường có nhiều khúc cua liên tiếp, đi qua đường sắt.

2.4. Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

3. Yêu cầu đạt được:

3.1. Kiểm tra an toàn xung quanh xe, chỉnh gương, chỉnh ghế và thắt dây an toàn.

3.2. Bật đèn xi nhan trái khi khởi hành.

3.3. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 0,5 m, tắt đèn xi nhan khi xe đã nhập làn.

3.4. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15 m đầu phải tăng được số.

3.5. Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường.

3.6. Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ.

3.7. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

3.8. Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe.

3.9. Giảm hết số khi dừng xe.

3.10. Dừng xe đúng vị trí quy định.

3.11. Kéo phanh đỗ khi xe dừng hẳn.

3.12. Đi tối thiểu 05 km và thực hiện tối thiểu 06/12 tình huống giao thông quy định tại mục 2.3 (tùy theo tổ chức giao thông tại đoạn đường sát hạch).

4. Các lỗi trừ điểm:

4.1. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.

4.2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe kết

thúc, trừ 10 điểm.

- 4.3. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần trừ 10 điểm.
- 4.4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.
- 4.5. Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành, trừ 05 điểm.
- 4.6. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15m đầu không tăng được số, trừ 05 điểm.
- 4.7. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, trừ 05 điểm.
- 4.8. Không giảm hết số khi dừng xe, trừ 05 điểm.
- 4.9. Không kéo phanh đỗ khi dừng xe, trừ 05 điểm.
- 4.10. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

5. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- 5.1. Không kiểm tra an toàn trước khi xuất phát.
- 5.2. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.
- 5.3. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn giao thông.
- 5.4. Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

6. Công nhận kết quả:

- 6.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 6.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

6.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU

LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG C1E, CE

| | |
|-----------|---|
| Mẫu số 01 | Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng C1E, CE |
| Mẫu số 02 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng C1E, CE |
| Mẫu số 03 | Kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng C1E, CE |

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số định danh:

Thời điểm bắt đầu:

Hạng:

Thời điểm kết thúc:

Số báo danh:

Lần thi:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 47 | 48 | 49 | 50 | 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Câu hỏi | 69 | 70 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 | 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 | |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| Trả lời | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

| STT | Các lỗi trừ điểm | Điểm trừ (tính cho 1 lần) | Số lần mắc lỗi | Tổng điểm trừ |
|----------------------|--|---------------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Xe bị chết máy. | 5 | | |
| 2 | Quá thời gian thực hiện bài sát hạch 30 giây. | 5 | | |
| 3 | Không bật, tắt xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc. | 5 | | |
| 4 | Không thắt dây an toàn. | 10 | | |
| 5 | Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đổ. | 15 | | |
| 6 | Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 7 | Đi không đúng trình tự bài sát hạch. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 8 | Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 9 | Không hoàn thành bài sát hạch. | Đình chỉ sát hạch | | |
| Tổng điểm trừ | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh

Kỳ sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Số báo danh:

Hạng:
 Lần thi:

| STT | Các lỗi trừ điểm | Điểm trừ (tính cho 1 lần) | Số lần mắc lỗi | Tổng điểm trừ |
|---------------------------|--|---------------------------------|----------------------|------------------|
| 1 | Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, không tắt đèn xi nhan trái khi đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi kết thúc. | 5 | | |
| 2 | Khởi hành xe bị rung giật mạnh. | 5 | | |
| 3 | Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành. | 5 | | |
| 4 | Xe bị chết máy. | 5 | | |
| 5 | Sau khi khởi hành, trong khoảng 15m đầu không tăng được số. | 5 | | |
| 6 | Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường. | 5 | | |
| 7 | Không giảm hết số khi dừng xe. | 5 | | |
| 8 | Không sử dụng phanh đỗ khi dừng xe. | 5 | | |
| 9 | Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ. | 10 | | |
| 10 | Không thắt dây an toàn. | 10 | | |
| 11 | Không kiểm tra an toàn xe trước khi xuất phát. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 12 | Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 13 | Xử lý tình huống không hợp lý gây ra va chạm hoặc tai nạn giao thông. | Đình chỉ sát hạch | | |
| 14 | Xe bị choạng lái quá làn đường quy định. | Đình chỉ sát hạch | | |
| Tổng cộng điểm trừ | | | | |

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

PHỤ LỤC VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

I. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch

1. Chủ tịch

1.1. Nhiệm vụ

1.1.1. Tổ chức họp hội đồng để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch; phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho sát hạch viên; phân công nhiệm vụ của hội đồng kỳ sát hạch lái xe và lập biên bản phân công theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục này.

1.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho thí sinh dự sát hạch.

1.1.3. Chỉ đạo sát hạch viên:

a) Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch quy định tại điểm 5.1.1 tiêu mục 5.1 mục 5 phần I Phụ lục này, nếu bảo đảm yêu cầu thì báo cáo Chủ tịch tổ chức sát hạch;

b) Tiếp nhận, sử dụng thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của trung tâm vận hành thì phải giám sát trong quá trình sát hạch.

1.1.4. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ giao.

1.1.5. Xử lý trường hợp chấm điểm không chính xác do phương tiện, thiết bị kỹ thuật chấm điểm tự động bị lỗi hoặc nguyên nhân khác không do lỗi của thí sinh làm sai lệch kết quả sát hạch và các trường hợp đình chỉ sát hạch, các vi phạm và khiếu nại của thí sinh theo báo cáo của sát hạch viên. Khi cần thiết, phải họp hội đồng để xem xét, quyết định.

1.1.6. Tổ chức họp hội đồng sát hạch để sát hạch viên báo cáo kết quả sát hạch; xem xét, quyết định các nội dung quy định tại mục 1.1.5. Nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm kỳ sát hạch và lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, đề nghị công nhận thí sinh trúng tuyển; xác nhận thí sinh vắng, trượt, xác nhận phí và lệ phí phải nộp.

1.2. Quyền hạn

1.2.1. Tạm dừng sát hạch khi thiết bị chấm điểm lý thuyết hoặc thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình sát hạch; xe sát hạch không đảm bảo phục vụ kỳ sát hạch cho đến khi khắc phục xong.

1.2.2. Lập biên bản đình chỉ nhiệm vụ của sát hạch viên khi vi phạm quy trình sát hạch.

1.2.3. Quyết định về việc hủy bỏ kết quả sát hạch của thí sinh, cho hoặc không cho thí sinh thực hiện lại nội dung sát hạch đối với trường hợp quy định tại mục 1.1.5.

2. Phó chủ tịch

2.1. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch giao.

2.2. Thực hiện nhiệm vụ khác khi được Chủ tịch phân công; chịu trách nhiệm tổ chức hội đồng sát hạch lái xe trong trường hợp Chủ tịch ủy quyền.

3. Ủy viên

3.1. Nhiệm vụ

3.1.1. Bảo đảm thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành hoạt động chính xác, ổn định; hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động ổn định, được kết nối và truyền trực tiếp dữ liệu về Cục Cảnh sát giao thông và Phòng Cảnh sát giao thông; xe sát hạch đảm bảo điều kiện an toàn.

3.1.2. Bố trí tủ đựng đồ cá nhân cho thí sinh khi tham gia sát hạch.

3.1.3. Bố trí nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật máy tính, nhân viên kỹ thuật quản lý thiết bị chấm điểm tự động và lái xe phục vụ trong sân sát hạch.

3.1.4. Giúp Chủ tịch hội đồng xử lý các khiếu nại của thí sinh liên quan đến hoạt động của thiết bị chấm điểm trong quá trình sát hạch.

3.1.5. Phối hợp giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; chịu trách nhiệm giải quyết nếu tai nạn xảy ra do xe sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn.

3.1.6. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch hội đồng giao.

3.2. Quyền hạn

3.2.1. Đề nghị Chủ tịch hội đồng đình chỉ sát hạch nếu phát hiện thấy thí sinh lái xe không an toàn.

3.2.2. Đề nghị Chủ tịch hội đồng xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy trình sát hạch.

4. Thư ký

4.1. Nhiệm vụ

4.1.1. Phối hợp với sát hạch viên lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế và giúp Chủ tịch hội đồng lập biên bản khi sát hạch viên vi phạm quy trình, nhiệm vụ quyền hạn.

4.1.2. Giúp Chủ tịch hội đồng lập biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và lập biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục này. Thực hiện nhiệm vụ sát hạch do Chủ tịch hội đồng sát hạch phân công.

4.1.3. Kiểm tra các bài sát hạch, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và tiếp nhận, quản lý hồ sơ do sát hạch viên giao khi kết thúc các nội dung sát hạch.

4.1.4. Gửi các tài liệu của kỳ sát hạch để lưu trữ theo quy định.

4.2. Quyên hạn

Yêu cầu sát hạch viên hoàn thiện các bài sát hạch, biên bản sát hạch theo quy định.

5. Sát hạch viên

5.1. Nhiệm vụ

5.1.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch gồm:

5.1.1.1. Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động tốt, kết nối ổn định đến Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông.

5.1.1.2. Phòng sát hạch lý thuyết phải đủ máy tính, máy in và hoạt động tốt, ổn định. Sử dụng phần mềm sát hạch do Cục Cảnh sát giao thông xây dựng.

5.1.1.3. Phòng chờ sát hạch có đủ màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình và kết quả sát hạch.

5.1.1.4. Phòng hội đồng sát hạch có màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch.

5.1.1.5. Hệ thống loa trên xe sát hạch và loa phóng thanh của trung tâm sát hạch hoạt động tốt, công khai kết quả sát hạch lái xe trong hình.

5.1.1.6. Xe sát hạch, sân sát hạch không có các dấu vết để chỉ dẫn thí sinh trong quá trình sát hạch.

5.1.1.7. Thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử hoạt động ổn định, chính xác.

5.1.1.8. Thiết bị chấm điểm tự động trong sân sát hạch phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp sát hạch lái xe trong hình chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động phải kiểm tra xe sát hạch và kích thước hình các bài sát hạch theo tiêu chuẩn và quy trình sát hạch lái xe.

5.1.1.9. Thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch trên đường phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động, camera giám sát trên xe sát hạch trên đường lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt, ổn định, lưu trữ được âm thanh và hình ảnh trong quá trình sát hạch.

5.1.1.10. Xe sát hạch phải đảm bảo các điều kiện an toàn.

5.1.1.11. Xe sát hạch trong hình có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

5.1.1.12. Xe sát hạch trên đường có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, hệ thống phanh phụ hoạt động hiệu quả.

5.1.1.13. Phương án đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

5.1.2. Sát hạch lý thuyết:

5.1.2.1. Sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính.

5.1.2.2. Sát hạch bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy theo quy định tại mục II phần A Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5.1.3. Sát hạch lái xe trong hình

5.1.3.1. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp kết hợp với thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch (không bố trí sát hạch viên).

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động.

5.1.3.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp để cấp giấy phép lái xe hạng B1, BE, D1E, D2E, DE (trên xe sát hạch không bố trí sát hạch viên).

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp.

5.1.4. Sát hạch lái xe trên đường hạng B, BE, C1, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E, D, DE (trên ô tô sát hạch bố trí 01 sát hạch viên).

5.1.4.1. Sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động kết hợp với chấm điểm trực tiếp.

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5.1.4.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp tại Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Thông tư này.

5.2. Quyền hạn

5.2.1. Từ chối sát hạch nếu thấy trung tâm sát hạch không bảo đảm các điều kiện cần thiết quy định tại điểm 5.1.1 tiểu mục 5.1 mục 5 phần I của Phụ lục này.

5.2.2. Yêu cầu thí sinh xuất trình một trong các giấy tờ: căn cước công dân, căn cước, hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với các trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe và miễn sát hạch lý thuyết) để đối chiếu với hồ sơ trong trường hợp cần thiết.

5.2.3. Lập biên bản những trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế và những trường hợp quy định tại mục 1.1.5.

5.2.4. Truất quyền thi các trường hợp thí sinh lái xe lên bó vỉa, không đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch, gây va chạm, tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

II. BIỂU MẪU BIÊN BẢN

| | |
|------------------|---|
| Mẫu số 01 | Biên bản phân công nhiệm vụ của hội đồng sát hạch lái xe |
| Mẫu số 02 | Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch |
| Mẫu số 03 | Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch |

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

Thực hiện quyết định số/QĐ ngày của (2)..... về việc thành lập Hội đồng sát hạch lái xe Hạng..... cho thí sinh, gồm các hạng: A1:.....; A:.....; B:; C1:; C:; D1:; D2:; D:; BE:.....; C1E:; CE:; D1E:; D2E:; DE..... Hội đồng sát hạch phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng sát hạch như sau:

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Đồng chí Chủ tịch hội đồng

.....
.....

2. Đồng chí Phó chủ tịch hội đồng

.....

3. Ông/ bà: Ủy viên hội đồng

.....

4. Nhiệm vụ của các sát hạch viên:

4.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết để thực hiện sát hạch:

- Đồng chí.....: kiểm tra thiết bị phòng sát hạch lý thuyết.

- Đồng chí.....: kiểm tra hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình, màn hình và hệ thống loa;

- Đồng chí.....: kiểm tra thiết bị và xe sát hạch lái xe trong hình; kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trên đường;

- Đồng chí.....: kiểm tra phương án bảo vệ đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

4.2. Thực hiện sát hạch

4.2.1. Thực hiện sát hạch lý thuyết

- Đồng chí.....

4.2.2 Thực hiện sát hạch trong hình

- Đồng chí.....

4.2.3 Thực hiện sát hạch lái xe trên đường (3)

- Đồng chí.....

5. Đồng chí Thư ký hội đồng

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ CHƯƠNG TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE

1. Thời gian, địa điểm

.....
2. Chương trình sát hạch
.....

Các thành viên hội đồng nhất trí và ký biên bản./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Ghi chú:

(1) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Phòng Cảnh sát giao thông.

(2) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

(3) Không ghi nội dung đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A.

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ SÁT HẠCH

Căn cứ Điều Thông tư số /2026/TT-BCA ngày của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày tháng năm của(2)..... về việc tổ chức kỳ sát hạch của

Hôm nay, ngày tháng năm tại trung tâm sát hạch lái xe, chúng tôi gồm:

1. Sát hạch viên

Đồng chí.....

2. Đại diện Trung tâm sát hạch lái xe

Ông (bà).....; Chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra trang thiết bị, xe sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe và thống nhất như sau:

- + Thiết bị sát hạch tại phòng lý thuyết:.....
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình:
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe đường trường :(3)
- + Xe sát hạch và thiết bị báo lỗi trên xe (4)
- + Hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình:

SÁT HẠCH VIÊN

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM SHLX

Ghi chú:

(1) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Phòng Cảnh sát giao thông.

(2) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

(3), (4) Không ghi nội dung đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A

II. Nhận xét kỳ sát hạch:.....

III. Tổng hợp số thu phí sát hạch và lệ phí cấp GPLX

| TT | Nội dung | Số lượng | Số tiền/1 thí sinh | Thành tiền |
|-----------|----------------------------|----------|--------------------|------------|
| I | Phí sát hạch lái xe | | | |
| 1 | Lý thuyết | | | |
| 2 | Thực hành trong hình | | | |
| 3 | Thực hành trên đường | | | |
| II | Lệ phí cấp GPLX | | | |
| | Tổng cộng (I + II) | | | |

ỦY VIÊN

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

THƯ KÝ

Ghi chú:

(1) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Phòng Cảnh sát giao thông.

(2) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

(3) Không ghi nội dung đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A.

PHỤ LỤC VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

BIỂU MẪU CHUẨN BỊ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

| | |
|-----------|---|
| Mẫu số 01 | Biên bản kiểm tra hồ sơ và điều kiện dự thi của thí sinh dự sát hạch |
| Mẫu số 02 | Mẫu Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe |
| Mẫu số 03 | Mẫu Danh sách thí sinh dự sát hạch |
| Mẫu số 04 | Mẫu Quyết định tổ chức kỳ sát hạch |
| Mẫu số 05 | Danh sách thí sinh có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe |
| Mẫu số 06 | Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CỦA
THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE**

Hôm nay, vào hồi giờ, ngày /..... /....., tại Phòng Cảnh sát giao thông
....., chúng tôi, gồm:

1. Đồng chí.....,
2. Đồng chí.....,
3. Ông (bà), người nộp hồ sơ

Tiến hành kiểm tra hồ sơ của các thí sinh dự sát hạch lái xe.

KẾT QUẢ

Tổng số hồ sơ đề nghị dự sát hạch:

Số hồ sơ xét hợp lệ:....., trong đó:

Số thi mới:

Số thi lại và vắng các kỳ trước:

(Theo bảng phân loại dưới đây)

| Khóa học | A1 | A | B1 | B | C1 | C | D1 | D2 | D | ... | Tổng số |
|-----------------|----|---|----|---|----|---|----|----|---|-----|---------|
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| Số hồ sơ hợp lệ | | | | | | | | | | | |

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch hợp lệ được sát hạch (có danh sách kèm theo).

Số hồ sơ không hợp lệ , được phân theo các lý do (theo bảng dưới đây).

| Hạng/Lý do | A1 | A | B1 | B | C1 | C | D1 | D2 | D | BE |
|--|----|---|----|---|----|---|----|----|---|----|
| Không có trong danh sách báo cáo | | | | | | | | | | |
| Chưa đủ thời gian đào tạo | | | | | | | | | | |
| Chưa đủ thâm niên nâng hạng | | | | | | | | | | |
| Chưa đủ hoặc hết hạn tuổi | | | | | | | | | | |
| Sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước | | | | | | | | | | |
| Giấy chứng nhận sức khỏe không đúng | | | | | | | | | | |
| Giấy phép lái xe hết hạn, không có hồ sơ | | | | | | | | | | |

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch không hợp lệ (có danh sách kèm theo).

Biên bản này được lập thành 02 bản (01 bản báo cáo Cơ quan quản lý sát hạch cho số thí sinh có hồ sơ hợp lệ trên được dự sát hạch; 01 giao cho người nộp hồ sơ)

CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 02.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Phòng Cảnh sát giao thông.....

Cơ sở đào tạo.....đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe hạng
.....Khóa..... cho học viên.

Nay đề nghị được sát hạch, cấp giấy phép lái xe cụ thể:

| Số TT | Khóa - Lớp | Hạng giấy phép lái xe | Số học viên vào học | Số học viên dự sát hạch | Ngày sát hạch | Ghi chú |
|-------|----------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------|---------------|---------|
| 1 | Hệ đào tạo mới | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | Hệ đào tạo nâng hạng | | | | | |

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Cơ sở đào tạo.....đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông..... xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khóa - lớp trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH

Cấp giấy phép lái xe hạng:.....

Khóa:.....

(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

Thời gian đào tạo: tháng

Khai giảng ngày tháng năm.....

Bế giảng ngày tháng năm

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có giấy phép lái xe hạng | Thâm niên lái xe | | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|---------------------|--------------|------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------|--|---------|
| | | | | | | | Số năm lái xe | Thời gian lái xe an toàn | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

....., ngày tháng năm 20.....

CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

.....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

.....(3).....

Căn cứ Thông tư số.../...../TT-BCA ngày / /..... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố;

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BCA ngày /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe..... cho tổng số..... thí sinh, gồm các hạng (có danh sách thí sinh dự thi các hạng kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày /..... /..... tại Trung tâm sát hạch lái xe:

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí:.....Chức vụ, Chủ tịch Hội đồng
2. Đồng chí:.....Chức vụ , Phó Chủ tịch Hội đồng
3. Ông (bà) hoặc Đồng chí:.....Chức vụ....., Ủy viên Hội đồng
4. Đồng chí..... Chức vụ, Thư ký.
5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí:..... sát hạch viên;

- Đồng chí:..... sát hạch viên;

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số .../TT-BCA ngày /..... / của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

.....(3).....
 (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan bộ ghi là BỘ CÔNG AN ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...

(2) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

(3) Cơ quan bộ ghi là CỤC TRƯỞNG, ở địa phương ghi là TRƯỞNG PHÒNG.

PHỤ LỤC VIII

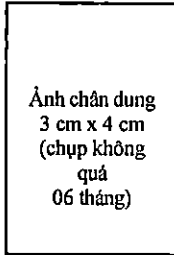
(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH

| | |
|-----------|--|
| Mẫu số 01 | Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đối với thí sinh dự sát hạch các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, C1E, CE, D1E, D2E, DE |
| Mẫu số 02 | Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đối với thí sinh dự sát hạch mô tô |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1 VÀ Ô TÔ



Họ và tên thí sinh:.....
Ngày tháng năm sinh:
Số định danh:..... hoặc Hộ chiếu số.....
ngày cấp..... nơi cấp:
Sát hạch giấy phép lái xe hạng:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|-----------------|------------------|----------------------------------|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|-----------------|------------------|----------------------------------|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|-----------------|------------------|----------------------------------|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

Kết luận của Chủ tịch hội đồng
Hạng..... Đạt Không đạt

..... ngày..... tháng..... năm 20....
TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không
quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....
Ngày tháng năm sinh:
Số định danh:..... hoặc Hộ chiếu số.....
ngày cấp..... nơi cấp:
Sát hạch giấy phép lái xe hạng:.....

....., ngày tháng năm
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|-----------------|------------------|----------------------------------|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH BÀI SÁT HẠCH SỐ 1

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|-----------------|------------------|----------------------------------|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH BÀI SÁT HẠCH SỐ 2

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|-----------------|------------------|----------------------------------|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

Kết luận của Chủ tịch hội đồng
Hạng Đạt Không đạt

....., ngày tháng năm 20

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

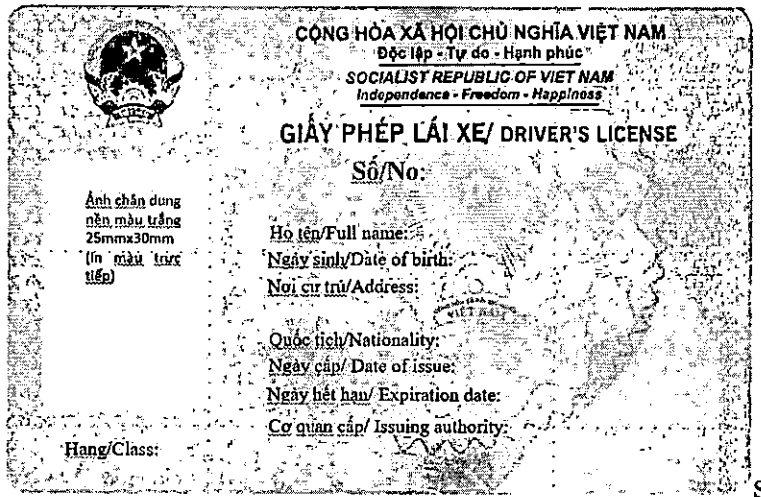
PHỤ LỤC IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

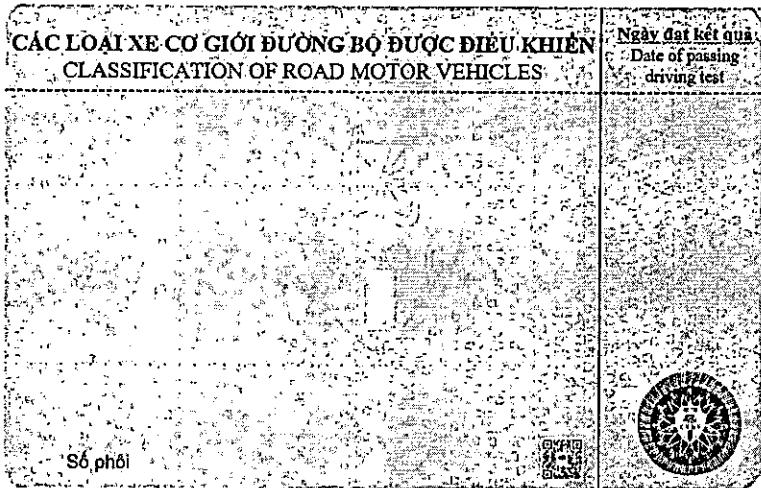
BIỂU MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET, có hoa văn màu hồng, có thiết kế dấu hiệu bảo an theo quy định, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", chữ "Số/No." Có màu đỏ, in đậm;

c) Trên mặt sau của giấy phép lái xe có dòng chữ "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN" có màu đen, in đậm, ngay bên dưới là dòng chữ tiếng Anh "CLASSIFICATION OF ROAD MOTOR VEHICLES" có chữ màu đen; "Ngày đạt kết quả" có chữ màu đen, in đậm, bên dưới là dòng chữ tiếng Anh "Date of passing driving test" bằng chữ màu đen;

d) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu trắng được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

đ) Mặt trước của giấy phép lái xe được hiển thị những thông tin sau: số giấy phép lái xe, họ tên của người lái xe, ngày sinh, nơi cư trú, quốc tịch, ngày cấp, ngày hết hạn, cơ quan cấp, hạng;

e) Mặt sau của giấy phép lái xe được hiển thị những thông tin sau: các loại xe cơ giới đường bộ được điều khiển (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh), ngày đạt kết quả, có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông.

3. Cách in giấy phép lái xe: in hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

4. Điều kiện hạn chế

a) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), ghi là: "*Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)*";

b) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật chỉ được điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật*";

c) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay trái chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái*";

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay phải chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải*";

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật chân phải chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải*";

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật nói

chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Cấp cho người khuyết tật nói chung chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động”

g) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp trước ngày 01/01/2025 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW, ghi là:

“Cấp cho người chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW”;

h) Đối với giấy phép lái xe hạng A cấp cho người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp, ghi là:

“Cấp cho người chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp”;

k) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp trước ngày 01/01/2025 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B, ghi là:

“Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)”.

5. Một số mã số điều kiện hạn chế của giấy phép lái xe được ký hiệu trong Hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe

A.01: Chỉ điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật;

A.02: Chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp;

A.03: Chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;

B.01: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện);

B.02: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay trái;

B.03: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay phải;

B.04: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật chân phải;

B.05: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật nói chung.

PHỤ LỤC X

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

BIỂU MẪU XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

| | |
|------------------|--|
| Mẫu số 01 | Bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe |
| Mẫu số 02 | Bản xác minh giấy phép lái xe |

CÔNG AN TỈNH/TP....
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.... , ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....(1).....

Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh/TP..... đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: Quốc tịch:.....

Sinh ngày: thángnăm.....

Số định danh: cấp ngày.....tháng....năm.....

Nơi cấp:.....

Hiện có giấy phép lái xe hạng:, số:....., do cấp

Cấp ngày..... tháng năm.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Đơn vị được yêu cầu xác minh

Mẫu số 02.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh/TP.....

.....trả lời xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: Quốc tịch:.....

Sinh ngày: tháng.....năm.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số định danh:cấp ngày....tháng....năm..., nơi cấp:

Hiện có giấy phép lái xe hạng:, số:....., do cấp ngày
..... tháng năm

KẾT QUẢ XÁC MINH

Các thông tin có trong hồ sơ quản lý sát hạch:

Tên của người lái xe; Ngày tháng năm sinh ...; Nơi thường trú ...;
Nơi cư trú ...; Số định danh hoặc hộ chiếu ...; Ngày cấp ...; Nơi cấp...; GPLX
hạng ...; Số GPLX ...; Cơ quan cấp ...; Ngày tháng năm....

CÁN BỘ XÁC MINH

(ký, ghi rõ họ và tên)

.....(3).....
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan bộ ghi là BỘ CÔNG AN ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...

(2) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

(3) Cơ quan bộ ghi là CỤC TRƯỞNG, ở địa phương ghi là TRƯỞNG PHÒNG.

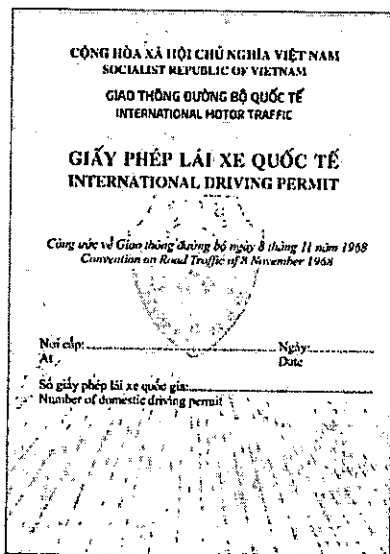
PHỤ LỤC XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

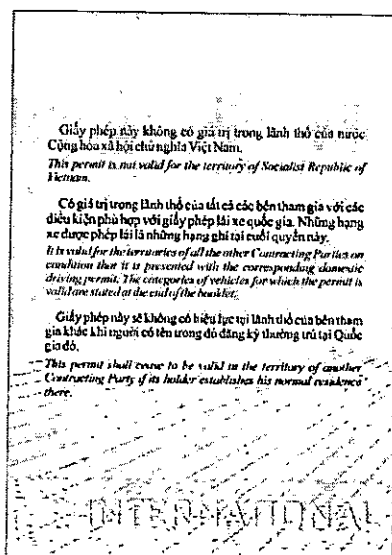
TRANG SỐ 1

(Mặt ngoài của trang bìa trước)



Thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và

tiếng Anh **TRANG SỐ 2**
(Mặt trong của trang bìa trước)


















Phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 3

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên:
 Tên khác:
 Nơi sinh:
 Ngày sinh:
 Địa chỉ thường trú:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HÌNH XE VÀ CÁC CẤP PHẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG GỒM CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE

| Mã hạng phương tiện/ảnh vẽ | Mã cấp phương tiện/ảnh vẽ |
|--|---|
| A  | A1  |
| B  | B1  |
| C  | C1  |
| D  | D1  |
| | D2  |
| BE  | |
| CE  | C1E  |
| DE  | D1E  |
| | D2E  |

NIỀM ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG
















Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

TRANG SỐ 5

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:
 Given name, other names:
 Place of birth:
 Date of birth:
 Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

| Category code/Pictogram | Subcategory code/Pictogram |
|--|---|
| A  | A1  |
| B  | B1  |
| C  | C1  |
| D  | D1  |
| | D2  |
| BE  | |
| CE  | C1E  |
| DE  | D1E  |
| | D2E  |

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE
















Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

TRANG SỐ 6

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия: _____
 Имя, другие имена: _____
 Место рождения: _____
 Дата рождения: _____
 Обычное место жительства: _____

**КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ
 СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО
 ДОПУСКАЮЩЕЕ**

| Код категории/Пиктограмма | Код подкатегории/Пиктограмма |
|--|---|
| A  | A1  |
| B  | B1  |
| C  | C1  |
| D  | D1  |
| | D2  |
| BE  | |
| CE  | C1E  |
| DE  | D1E  |
| | D2E  |

УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ

INTERNATIONAL
















Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

TRANG SỐ 7

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos: _____
 Nombres: _____
 Lugar de nacimiento: _____
 Fecha de nacimiento: _____
 Lugar de residencia normal: _____

**CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS
 CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO**

| Código de la categoría/Pictograma | Código de la subcategoría/Pictograma |
|--|---|
| A  | A1  |
| B  | B1  |
| C  | C1  |
| D  | D1  |
| | D2  |
| BE  | |
| CE  | C1E  |
| DE  | D1E  |
| | D2E  |

CONDICIONES RESTRICTIVAS
















INTERNATIONAL

Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

TRANG SỐ 8

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

| CATEGORIES ET SOUS-CATEGORIES DE VEHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELS LE PERMIS EST VALABLE | |
|--|--|
| Code de la catégorie/Pictogramme | Code de la sous-catégorie/Pictogramme |
| A  | A1  |
| B  | B1  |
| C  | C1  |
| D  | D1  D2  |
| BE  | |
| CE  | C1E  |
| DE  | D1E  D2E  |

RESTRICTIONS A L'UTILISATION

INTERNATIONAL

Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

TRANG SỐ 9

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

| CACHET | CACHET |
|--------|------------|
| A (1) | A1 |
| B | B1 |
| C | C1 |
| D | D1 D2 |
| BE | |
| CE | C1E |
| DE | D1E D2E |

Signature du titulaire (3)

EXCLUSIONS

Le titulaire est privé de droit de conduire sur le territoire de

Le titulaire est privé de droit de conduire sur le territoire de

Hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

- (1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp
- (2) Vị trí đóng dấu giáp lai
- (3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP

PHỤ LỤC XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Áp dụng đối với giấy phép lái xe do Chính phủ Việt Nam cấp trước ngày 01/01/2025

| GIẤY PHÉP LÁI XE VIỆT NAM | GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ |
|---------------------------|--------------------------|
| Hạng A1 | Hạng A1 |
| Hạng A2 | Hạng A |
| Hạng A3 | Hạng B1 |
| Hạng B1, B2 | Hạng B hoặc C1 |
| Hạng C | Hạng C |
| Hạng D | Hạng D2 |
| Hạng E | Hạng D |
| Hạng FB2 | Hạng BE hoặc C1E |
| Hạng FC | Hạng CE |
| Hạng FD | Hạng D2E |
| Hạng FE | Hạng DE |

PHỤ LỤC XIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

BÁO CÁO DỮ LIỆU KẾT QUẢ SÁT HẠCH KHAI THÁC TRÊN HỆ THÔNG THÔNG TIN SÁT HẠCH LÁI XE

| | |
|------------------|--|
| Mẫu số 01 | Báo cáo chung kết quả kỳ sát hạch lái xe |
| Mẫu số 02 | Báo cáo chi tiết kết quả kỳ sát hạch lái xe |
| Mẫu số 03 | Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe |

.....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng,.....năm.....

BÁO CÁO CHUNG
KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Ngày sát hạch:

| Hạng GPLX | Tổng số hồ sơ | Tổng số dự thi | Lý thuyết | | | Thực hành trong hình | | | Thực hành trên đường | | | Kết quả đạt | Tỷ lệ % |
|-------------|---------------|----------------|-----------|-----|-------|----------------------|-----|-------|----------------------|-----|-------|-------------|---------|
| | | | Tổng số | Đạt | Trượt | Tổng số | Đạt | Trượt | Tổng số | Đạt | Trượt | | |
| B1 | | | | | | | | | | | | | |
| B | | | | | | | | | | | | | |
| C1 | | | | | | | | | | | | | |
| C | | | | | | | | | | | | | |
| D1 | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
 - Lưu VT,

Ghi chú: (1) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
 (2) Cơ quan bộ ghi là PHÒNG 5, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng,năm.....

BÁO CÁO CHI TIẾT
KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Ngày sát hạch:

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Hạng | Kết quả sát hạch | | | | | | | |
|-----|-----------|-----------|--------------|------|------------------|-----------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|----------|
| | | | | | LT | Số lần SH | Số lần SH | TH LXTH | Số lần SH | TH LXTĐ | Số lần SH | Tổng hợp |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | |

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
 - Lưu VT,

Ghi chú:

- (1) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
- (2) Cơ quan bộ ghi là PHÒNG 5, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Mẫu số 03.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày.....tháng,.....năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE
(Từ ngày... đến ngày...)

| TT | Cơ sở đào tạo | Ngày sát hạch | Mô tô | Ô tô | Số thí sinh dự sát hạch | Số thí sinh vắng | Số thí sinh đạt sát hạch | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|----------------|---------------|---------------|-------|------|-------------------------|------------------|--------------------------|---------|---------|
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | |

Nơi nhận :
- Lưu VT,

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
(2) Cơ quan bộ ghi là PHÒNG 5, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

PHỤ LỤC XIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

1. Mặt trước

| | |
|--------------------------|--|
| BỘ CÔNG AN CỤC CSGT | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> |
| (CÔNG AN HIỆU) | |
| THẺ SÁT HẠCH VIÊN | |

2. Mặt sau

| | |
|------------------|---|
| Ảnh 2cm x 3cm | Họ và tên:..... |
| | Năm sinh:..... |
| | Chức vụ:..... |
| | Đơn vị công tác: |
| | Hạng xe được sát hạch:..... |
| Số:..... | Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... CỤC TRƯỞNG |

Ghi chú:

- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: Bìa 150g/m².
- Mặt trước: Nền màu vàng, chữ “THẺ SÁT HẠCH VIÊN” màu đỏ, chữ còn lại màu đen.
- Mặt sau: hoa văn màu hồng, logo Công an hiệu in chìm, chữ màu đen.